

# TỔNG QUAN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2020

## 1. Tăng trưởng kinh tế

Tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2020 (theo giá so sánh 2010): sơ bộ đạt 43.443,58 tỷ đồng, tăng 6,89% so với cùng kỳ. Trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 9,32%, đóng góp 2,82 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 11,34%, đóng góp 3,28 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 1,32%, đóng góp 0,48 điểm phần trăm và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 7,02%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm.

Về cơ cấu tổng sản phẩm trong năm, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 30,95% GRDP; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 30,11%; khu vực dịch vụ chiếm 34,59%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,35% (cơ cấu tương ứng của cùng kỳ năm 2019 là: 30,26%; 28,90%; 36,49%; 4,35%).

GRDP bình quân đầu người đạt 69,28 triệu đồng/người/năm, tăng 10,64% so với cùng kỳ năm 2019.

## 2. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn năm 2020 đạt 11.609,33 tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 9.732,50 tỷ đồng, chiếm 69,36% trong tổng thu, thu hải quan đạt 1.869,52 tỷ đồng, chiếm 13,32%.

Tổng chi ngân sách địa phương năm 2020 đạt 13.594,01 tỷ đồng, trong đó chi đầu tư phát triển đạt 5.349,38 tỷ đồng, chiếm 39,35% trong tổng chi, chi thường xuyên 8.152,42 tỷ đồng, chiếm 59,97%.

## 3. Đầu tư

Tổng vốn đầu tư năm 2020 theo giá hiện hành đạt 23.850,25 tỷ đồng, so với GRDP bằng 34,05%, tăng 11,15% so với cùng kỳ, bao gồm: Vốn khu vực Nhà nước 4.982,47 tỷ đồng, chiếm 20,89%, tăng 12,41%; khu vực ngoài nhà nước 13.920,52 tỷ đồng, chiếm 58,37%, tăng 0,06%; khu vực đầu tư nước ngoài 4.947,26 tỷ đồng, chiếm 20,74%, tăng 58,93% so cùng kỳ.

Về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỉnh có 36 dự án cấp phép mới với số vốn đăng ký đạt 292,18 triệu USD, giảm 25% về số dự án và giảm 41,70% về số vốn đăng ký so với năm trước. Trong đó có 15 dự án đến từ Trung Quốc, với số vốn đăng ký 112,60 triệu USD; 02 dự án đến từ Singapore, với số vốn đăng ký 40,50 triệu USD; Hàn quốc 06 dự án, với số vốn đăng ký 18,85 triệu USD. Theo lĩnh vực đầu tư, ngành công nghiệp chế biến chế tạo với 36 dự án, vốn đầu tư 292,18 triệu USD, chiếm 100% tổng vốn đăng ký cấp mới.

#### **4. Tình hình đăng ký kinh doanh**

Trong năm 2020, có 1.246 doanh nghiệp thành lập mới với tổng số vốn đăng ký 21.552 tỷ đồng, tăng 16,56% về số doanh nghiệp và bằng 165,00% về số vốn đăng ký so với năm 2019. Có 289 doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động và số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trước thời hạn là 265 doanh nghiệp.

#### **5. Bảo hiểm**

Năm 2020, toàn tỉnh có 133.527 người tham gia bảo hiểm xã hội, giảm 2.500 người, giảm 1,84% so với năm 2019; bảo hiểm y tế 887.720 người, tăng 48.681 người, tăng 5,80% so với năm 2019; bảo hiểm thất nghiệp 125.593 người, tăng 4.351 người, tăng 3,59% so với năm 2019.

Tổng thu bảo hiểm năm 2020 đạt 2.615,54 tỷ đồng, giảm 299,27 tỷ đồng, giảm 10,27% so với năm 2019, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 1.675,11 tỷ đồng, giảm 198,88 tỷ đồng, giảm 10,61%; bảo hiểm y tế đạt 818,92 tỷ đồng, giảm 85,05 tỷ đồng, giảm 9,41%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 121,51 tỷ đồng, giảm 15,34 tỷ đồng, giảm 11,21% so với năm 2019.

Tổng số chi bảo hiểm năm 2020 đạt 2.019,37 tỷ đồng, tăng 125,62 tỷ đồng, tăng 6,63% so với năm 2019, trong đó: bảo hiểm xã hội đạt 1.089,07 tỷ đồng, giảm 157,22 tỷ đồng, giảm 12,62%; bảo hiểm y tế đạt 833,84 tỷ đồng, tăng 298,14 tỷ đồng, tăng 55,66%; bảo hiểm thất nghiệp đạt 96,46 tỷ đồng, giảm 15,31 tỷ đồng, giảm 13,70% so với năm 2019.

#### **6. Kết quả sản xuất, kinh doanh một số ngành, lĩnh vực**

##### ***- Nông, lâm nghiệp và thủy sản***

Sản lượng lương thực có hạt toàn tỉnh năm 2020 đạt 53,994 nghìn tấn, giảm 1,277 nghìn tấn, giảm 2,31% so với năm 2019.

Năm 2020, diện tích rừng trồng mới tập trung là 407 ha, giảm 38,33% so cùng kỳ; diện tích rừng được quản lý, bảo vệ 4.459 ha, giảm 5,05% so cùng kỳ. Sản lượng gỗ khai thác đạt 11.269 m<sup>3</sup>, bao gồm: rừng tự nhiên 104 m<sup>3</sup>; rừng trồng 11.165 m<sup>3</sup>.

Sản lượng thủy sản năm 2019 đạt 4.678 tấn, giảm 0,34% so cùng kỳ, bao gồm: sản lượng thủy sản nuôi trồng 4.322 tấn, chiếm 92,39%, giảm 0,18% so cùng kỳ; sản lượng thủy sản khai thác 356 tấn, chiếm 7,61%, giảm 2,20% so cùng kỳ.

##### ***- Công nghiệp***

Chỉ số sản xuất của toàn ngành công nghiệp (IIP) năm 2020 tăng 13,65% so với năm 2019, trong đó: ngành khai khoáng giảm 3,38%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 14,41%; ngành sản xuất, phân phối điện, nước đá tăng 6,69%; ngành khai thác, xử lý và cung cấp nước tăng 9,00%.

### **- Chỉ số giá**

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 12 năm 2020 tăng 0,35% so với tháng trước, tăng 0,69% so với tháng 12 năm 2019. Bình quân năm 2020 tăng 3,02% so với năm 2019.

### **- Thương mại - Vận tải**

Năm 2020, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 48.439,4 tỷ đồng, tăng 1,10% so với năm trước. Xét theo ngành kinh doanh: bán lẻ hàng hóa đạt 40.141,3 tỷ đồng, chiếm 82,87% tổng mức, tăng 2,91% so với năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống đạt 4.876,5 tỷ đồng, chiếm 10,07 % và giảm 4,77%; du lịch lữ hành đạt 1,8 tỷ đồng, giảm 84,98%; dịch vụ khác đạt 3.419,7 tỷ đồng, chiếm 7,06% và giảm 9,38% so với năm trước. Năm 2020, số lượng siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh là 5 đơn vị; tổng số chợ là 58 chợ, trong đó: loại 1 là 5 chợ, loại 2 là 8 và loại 3 là 45 chợ.

Vận tải hành khách năm 2020 đạt 13.134,30 nghìn người, giảm 5,97% so với năm 2019 và đạt 1.590,01 triệu người.km, giảm 6,16%. Vận tải hàng hóa năm 2020 đạt 3.142,98 nghìn tấn, giảm 5,98% so với năm 2019 và đạt 216,02 triệu tấn.km, giảm 5,10%.

## **7. Tình hình về xã hội**

### **- Dân số, lao động và việc làm**

Dân số trung bình năm 2020 của tỉnh Bình Phước đạt 1.011.076 người, tăng 13.310 người, tương đương tăng 1,33% so với năm 2019, bao gồm dân số thành thị 243.049 người, chiếm 24,04%; dân số nông thôn 768.027 người, chiếm 75,96%; dân số nữ 501.428 người, chiếm 49,59%.

Năm 2020, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của cả tỉnh đạt 617.020 người, tăng 12.690 người so với năm 2019. Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc theo thành phần kinh tế năm 2020 đạt 602.760 người, tăng 14.127 người so với năm 2019.

Tỷ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi năm 2020 là 2,93%, trong đó khu vực thành thị 4,73%, khu vực nông thôn 2,44%. Tỷ lệ thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi là 3,71%, trong đó khu vực thành thị là 1,79%; khu vực nông thôn 4,22%.

### **- Trật tự an toàn xã hội**

Năm 2020, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 208 vụ tai nạn giao thông, làm 157 người chết, 144 người bị thương. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông năm 2020 giảm 17,46%; số người chết giảm 3,68%; số người bị thương giảm 23,81%.

Năm 2020, toàn tỉnh đã xảy ra 15 vụ cháy, làm 1 người chết, 1 người bị thương; giá trị thiệt hại ước 27.800,4 triệu đồng.

*Nhìn chung: Năm 2020, trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội ở hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chậm lại; Trên địa bàn tỉnh Bình Phước, thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư và Chính phủ, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã kịp thời chỉ đạo các ngành, các cấp, các tổ chức đoàn thể quyết tâm ngăn chặn, đẩy lùi, vượt qua khó khăn, phát triển kinh tế xã hội ổn định, hoàn thành tốt nhiệm vụ với mức tăng trưởng khá cao.*

*Sản xuất nông nghiệp và công nghiệp tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng khá, cùng với sự phát triển doanh nghiệp cả về số lượng và chất lượng đi đôi với việc thực hiện tốt mục tiêu kiềm chế lạm phát và nhu cầu tiêu dùng, sức mua của xã hội.*

*Trên lĩnh vực văn hóa - xã hội, công tác giải quyết việc làm và đào tạo nghề đạt chỉ tiêu đề ra; công tác an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo được các cấp các ngành và toàn xã hội quan tâm; công tác văn hoá xã hội có nhiều hoạt động thiết thực; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên; công tác khám chữa bệnh vẫn được duy trì tốt; công tác chăm lo cho đồng bào dân tộc thiểu số luôn được quan tâm.*

*Tuy nhiên, bên cạnh những mặt thuận lợi cũng còn những khó khăn, hạn chế như: giá một số mặt hàng nông sản (mủ cao su, hạt tiêu, điều) xuống thấp; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ tiêu dùng khác giảm so cùng kỳ; vận tải hàng hóa và nhu cầu đi lại của người dân đã hạn chế hơn.*

## **OVERVIEW ON SOCIO-ECONOMIC SITUATION IN BINH PHUOC IN 2020**

### **1. Economic growth**

The gross regional domestic products (GRDP) in 2020 (at constant 2010 price) will preliminarily reach 43.443,58 billion VND, an increase of 6,89% compared to that in 2019. Of which the agriculture, forestry and fishing sector increased to 9,32%, contributing 2,82 percentage points to overall economic growth rate; the industrial and construction sector grew up 11,34%, contributing 3,28 percentage points; the service sector increased to 1,32%, contributing 0,48 percentage points; the taxes less subsidies on production increased to 7,02%, contributing 0,31 percentage points.

In terms of economic structure in 2020, the agriculture, forestry and fishing sector accounted for 30,95% GRDP; the industrial and construction sector was 30,11%; the service sector made up 34,59% and the taxes less subsidies on products made up 4,35% (The corresponding structure of the same period in 2019 was: 30,26%; 28,90%; 36,49%; 4,35%)

GRDP per capita reached 69,28 million VND/person/year, an increase of 10,64% compared to that in 2019.

### **2. Revenues and expenditures of the state budget**

Total state budget revenue in 2020 reached 11.609,33 billion VND, of which: domestic revenue of 9.732,50 billion VND, making up 69,36% of the total revenue, the customs revenue reached 1.869,52 billion VND, accounting for 13,32%.

Total local budget expenditure in 2020 reached 13.594,01 billion VND, of which expenditures on development investment reached 5.349,38 billion VND, making up 39,35% of the total expenditure, frequent expenditure were 8.152,42 billion VND, accounting for 59,97%.

### **3. Investment**

Total investment in 2020 at current prices reached 23.850,25 billion VND, equally 34,05% GRDP, an increase of 11,15% compared to 2019, of which: the state sector was 4.982,47 billion VND, accounting for 20,89%, an increasing by 12,41%; the non-state sector's investment achieved 13.920,52 billion VND, accounting for 58,37%, an increasing by 0,06%; foreign invested sector was 4.947,26 billion VND, accounting for 20,74%, an increasing by 58,93% compared to 2019.

On attracting foreign direct investment, the province has 36 newly licensed projects with registered capital of 292,18 million USD, a decrease of 25% in number of projects and a decrease of 41,70% in capital compared to the previous year. In which, there are 15 projects from China, with registered capital of 112,60 million USD; 02 projects from Singapore, with registered capital of 40,50 million USD; Korea 06 project, with registered capital of 18,85 million USD. By sector of investment, manufacturing with 36 projects, investment capital reached 292,18 million USD, accounting for 100% of the total newly registered.

#### **4. Registration of enterprises**

In 2020, there were 1.246 newly established enterprises with a total registered capital of 21.552 billion VND, an increase of 16,56% in the number of enterprises and equal to 165,00% in the registered capital to 2019. There were 289 enterprises temporarily suspended operations and the number of enterprises returning to operation ahead of time was 265 enterprises.

#### **5. Insurance**

In 2020, there were 133.527 persons participated in social insurance, an reduced by 2.500 persons, an reduced by 1,84% compared to that in 2019; there were 887.720 persons joining health insurance, a rise of 48.681 persons and 5,80% compared to that in 2019; 125.593 persons participating in unemployment insurance, an increase by 3,59% and 4.351 persons.

Total insurance revenue in 2020 gained 2.615,54 billion VND, an reduced by 299,27 billion VND and 10,27% over that in 2019. Of which, social insurance revenue reached 1.675,11 billion VND, an reduced by 198,88 billion VND and 10,61% over that in 2019; health insurance revenue reached 818,92 billion VND, an reduced by 85,05 billion VND and 9,41%; unemployment insurance reached 121,51 billion VND, an reduced by 15,34 billion VND and 11,21% over that in 2019.

Total insurance expenditure in 2020 reached 2.019,37 billion VND, an increased by 125,62 billion VND and 6,63% against 2019, of which: social insurance expenditure reached 1.089,07 billion VND, an reduced by 157,22 billion VND and 12,62%; health insurance reached 833,84 billion VND, an increased by 298,14 billion VND and 55,66%; unemployment insurance reached 96,46 billion VND, an reduced by 15,31 billion VND and 13,70% over that in 2019.

#### **6. Production results in some areas**

##### ***- The agriculture, forestry and fishing***

In 2020, production cereals was reached 53,994 thous.tons, a decreased of 1,277 thous.tons, a decreased of 2,31% compared with that in 2019.

In 2020, the are of concentrated planted forest was 407 ha, a decreased of 38,33% compared with in the same period; the area of forest was managed and protected be 4.459 ha, decreased by 5,05% compared with in the same period. The production of wood reached 11.269 m<sup>3</sup>; including: natural forest wood 104 m<sup>3</sup>; plantation timber 11.165 m<sup>3</sup>.

Fishery production in 2020 reached 4.678 tons, a decrease of 0,34% compared with that in 2019, of which: aquaculture production reached 4.322 tons, accounting for 92,39%, a decrease of 0,18% compared with that in 2019; production of fishery catching reached 356 tons, accounting for 7,61%, a decrease of 2,20% compared with that in 2019.

### **- Industry**

The index of industrial production (IIP) in 2020 increased by 13,65% compared to that in 2019, of which: the mining and quarrying went down by 3,38%; the manufacturing increased by 14,41%; the electricity, gas, steam and air conditioning supply increased by 6,69%; the water supply, sewerage, waste management and remediation activities rose 9,00%.

### **- Price Index**

Consumer Price Index (CPI) in December 2020 increased by 0,35% compared with the previous month and by 0,69% compared with December 2019. The average CPI in 2020 increased by 3,02% compared to that in 2019.

### **- Trade - Transport**

In 2020, the retail sales of goods and services were estimated to reach 48.439,4 billion VND, increasing by 1,10% compared with that figure last year. Based on sale sector: Retail sales of goods recorded 40.141,3 billion VND, accounting for 82,87% of the total, increasing by 2,91% in comparison with 2019; accommodation and food services recorded 4.876,5 billion VND, accounting for 10,07 % % and decreased by 4,77%; tourism other services achieved 1,8 billion VND, and decreased by 84,98%; other services achieved 3.419,7 billion VND, accounting for 7,06% and decreased by 9,38% in comparison with 2019.

Passenger transport in 2020 reached 13.140,30 thous.persons, a decrease of 5,97% compared with that in 2019 and gained 1.590,01 mill.persons.km, a decrease of 6,16%. Freight transport in 2020 recorded 3.142,98 thous.tons, a decrease of 5,98% compared with that in 2019 and gained 216,02 mill.tons.km, down 5,10% compared with that in 2019.

## **7. Social issues**

### **- Population, labor and employment**

The average population in 2020 of the province reached 1.011.076 persons, an increase of 13.310 persons, equivalent to a rise of 1,33% compared to that in 2019, of which: urban population was 243.049 persons, accounting for 24,04%; rural population was 768.027 persons, accounting for 75,96%; the female population was 501.428 persons, accounting for 49,59%.

In 2020, the labor force aged 15 and over in the province was 617.020 persons, an increase of 12.690 persons compared to that in 2019. Labor aged 15 years old and over working in economic activities in 2020 was 602.760 persons, an increase of 14.127 persons compared to that in 2019.

The unemployment rate of the labor force in working age in 2020 was 2,93%, of which these rates of urban and rural areas were 4,73% and 2,44%, respectively. The under-employment rate of the labor force in working age was 3,71%, of which the rate of urban areas was 1,79% and the figure for rural areas was 4,22%, respectively.

### **- Social order and safety**

In 2020, there were 208 traffic accidents in the province, causing 157 deaths and 144 injuries. Compared to the same period last year, the number of traffic accidents in 2020 decreased by 17,46%; the number of deaths decreased by 3,68%; the number of injured people decreased by 23,81%.

In 2020, the number of fires and explosions in the province had 15 cases, causing 1 deaths and 1 injuries; The total value of damage was estimated at 27.800,4 million dong.

*In general: In 2020, in the context of a strong outbreak of the Covid-19 epidemic on a global scale, which has seriously affected all socio-economic aspects in most economic sectors and fields, it slowed down; In the province of Binh Phuoc, following the direction of the Politburo, the Secretariat and the Government, the Provincial Party Committee and the Provincial People's Committee have promptly directed branches, levels, mass organizations determined to prevent and push reverse, overcome difficulties, develop socio-economic stability, fulfill tasks well with relatively high growth rate*

*Agricultural and industrial production continued to maintain a good growth rate, along with the development of enterprises in both quantity and quality in parallel with the well implementation of the goal of controlling inflation and consumer demand. social purchasing power*

*In the field of culture - society, job creation and vocational training achieved the set targets; social security, hunger eradication and poverty reduction are concerned by all levels of sectors and the whole society; social and cultural work has many practical activities; the quality of education continues to be improved; medical examination and treatment is still well maintained; Care for ethnic minorities is always concerned.*

*However, besides the advantages, there are also difficulties and limitations such as: the prices of some agricultural products (rubber latex, pepper, cashew) are low; revenue from accommodation, catering, travel and other consumer services decreased over the same period; Freight transport and people's travel needs were more limited.*